

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới
Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức đến 2020 tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ ban hành về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 02/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình rà soát quy hoạch xây dựng Nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã Nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 của UBND huyện Mỹ Đức về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Kết quả thẩm định số 80/BCTĐ-QLĐT ngày 17/9/2012 của phòng Quản lý đô thị huyện và Tờ trình số 24A/TTr-UBND ngày 10/8/2012 về việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 do Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng An Bình Minh lập với những nội dung sau:

1. Tên đề án, Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch :

a. Tên đề án: Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

b. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: thuộc địa giới hành chính xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội; quy mô diện tích 333,66ha; vị trí:

- Phía Bắc giáp xã Vạn Kim.
- Phía Nam giáp huyện Ứng Hoà (ranh giới tự nhiên là sông Đáy).
- Phía Đông giáp xã Vạn Kim.
- Phía Tây giáp xã Hùng Tiến.

c. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động của xã theo từng giai đoạn quy hoạch:

- Quy mô và cơ cấu dân số:

+ Hiện trạng:	3.959 Người,
+ Đến năm 2015:	4.095 Người,
+ Đến năm 2020:	4.390 Người.

- Quy mô và cơ cấu lao động:

+ Hiện trạng:	2.326 Người,
+ Đến năm 2015:	2.538 Người,
+ Đến năm 2020:	2.721 Người.

2. Chủ đầu tư: UBND xã Đốc Tín.

3. Cơ quan phê duyệt đề án: UBND Huyện Mỹ Đức.

4. Mục tiêu, yêu cầu của đề án quy hoạch:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới của Chính phủ. Việc lập quy hoạch xây dựng Nông thôn mới phải đảm bảo đủ các tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới, mục tiêu đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định của Chính phủ.

- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hoá nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - TTCN, phát triển dịch vụ, xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước,...); xây dựng, cải tạo công trình; chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch xây dựng xã Nông thôn mới, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

- Định hướng quy hoạch không gian xã, phát huy thế mạnh của xã trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

5. Quy mô quy hoạch
5.1. Quy mô, nhu cầu đất xây dựng:

Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân kỳ 2011- 2015	Phân kỳ 2016- 2020
- Đất nông nghiệp	NNP	215,31	208,22	203,92
- Đất phi nông nghiệp	PNN	73,92	78,89	83,90
- Đất chưa sử dụng	CSD			
- Đất khu du lịch	DDL			
- Đất khu dân cư nông thôn	DNT	45,42	46,55	45,94

5.2. Quy mô xây dựng:

- Theo Bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới đã được ban hành.
- Theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn.

6. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

a. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020

(Biểu 02- Quy hoạch sử dụng đất tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011)

Đơn vị tính:
ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			333.66
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	203.82
1.1	Đất lúa nước	DLN	161.72
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN	
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	4.40
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.44
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	21.02
1.9	Đất làm muối	LMU	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	12.24
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	83.90
2.1	Đất XD trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	2.38
2.2	Đất quốc phòng	CQP	
2.3	Đất an ninh	CAN	
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK	

2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	6.00
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ	SKX	
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất di tích danh thắng	DDT	
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	0.25
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	2.05
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	9.10
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.13	Đất sông, suối	SON	14.08
2.14	Đất phát triển hạ tầng	DHT	50.04
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	
4	Đất khu du lịch	DDL	
5	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	45.94

b. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng:

DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TRONG KỲ QUY HOẠCH
(Theo Biểu 03- Quy hoạch sử dụng đất tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011)

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	11.49
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	7.84
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN/PNN	
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK/PNN	3.41
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0.24
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	

1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN	
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất lâm nghiệp	LUC/LNP	
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS	
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RSX/NKR	
2.5	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RPH/NKR	
2.6	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RDD/NKR	

Ghi chú: (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

c. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

Xã không có diện tích đất chưa sử dụng.

7. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian đồ án quy hoạch:

a. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc trung tâm xã, thôn:

- Định hướng phát triển khu trung tâm xã trên khu trung tâm hiện tại ở thôn Đốc Tín, định hướng quy hoạch các công trình công cộng, định hướng quy hoạch các điểm dân cư các thôn.

- Định hướng quy hoạch đảm bảo có sự kết nối hợp lý giữa trung tâm xã, trung tâm các thôn trên địa bàn xã. Đảm bảo kết cấu và hành lang an toàn của các tuyến đường quy hoạch của xã, huyện, Thành phố.

- Đối với hệ thống ven sông Đáy qua xã Đốc Tín quy hoạch hệ thống cây xanh tạo cảnh quan phục vụ phát triển du lịch sông nước, trồng rau màu, trồng tre chắn sóng tạo cảnh quan. Không quy hoạch phát triển khu dân cư mới, đối với các khu dân cư hiện trạng thì cải tạo, nâng cấp khi chưa có kế hoạch di dời đảm bảo hành lang thoát lũ sông Đáy theo Nghị quyết 17 về hành lang thoát lũ sông Đáy.

- Định hướng quy hoạch hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khớp nối đồng bộ trong xã và các khu vực lân cận.

b. Trung tâm xã.

- Vị trí: Quy hoạch vị trí hiện có tại thôn Đốc Tín.

- Quy mô diện tích: 10ha.

- Định hướng quy hoạch: Định hướng phát triển khu trung tâm xã trên khu trung tâm hiện tại ở thôn Đốc Tín bao gồm các công trình: UBND xã, Trường mầm non,

Chợ xã, Sân vận động xã, Trường THPT xã, Trường tiểu học, Khu công viên trung tâm xã, Bãi đỗ xe...

- Định hướng quy hoạch các công trình công cộng.

* Trụ sở HĐND - UBND xã: Quy hoạch mới tại xứ đồng Dỡ, diện tích 12.500m².

* Trường học:

+ Trường trung học cơ sở (chỉ tiêu đất là $\geq 10\text{m}^2/\text{học sinh}$): Giữ nguyên hiện trạng với diện tích là 5.411m².

+ Trường tiểu học (Chỉ tiêu sử dụng đất là $\geq 10\text{m}^2/\text{học sinh}$):

- Giữ nguyên hiện trạng điểm trung tâm tại xóm 6, thôn Đốc Tín diện tích 5.060m².

- Điểm lẻ xóm 3, thôn Đốc Tín diện tích 6.501m² cắt 600m² cho đất đấu giá, cắt 500m² cho nhà văn hoá cụm dân cư xóm 3, thôn Đốc Tín và cắt 1.500m² cho điểm trường mầm non mới xóm 3, thôn Đốc Tín. Diện tích còn lại của điểm lẻ xóm 3 là 3.901m².

+ Trường mầm non (Chỉ tiêu sử dụng đất là $\geq 12\text{m}^2/\text{học sinh}$):

- Quy hoạch mới điểm trường mầm non mới tại xóm 3, thôn Đốc Tín, diện tích 1.500m².

- Giữ nguyên hiện trạng điểm trung tâm, diện tích 2.317m².

* Trạm y tế xã: Giữ nguyên hiện trạng tại thôn Đốc Tín, diện tích 1.775m².

* Buu điện xã: Giữ nguyên hiện trạng vị trí, diện tích 180m².

* Chợ xã: Quy hoạch mới tại vị trí ao sau hợp tác xã cũ, diện tích 2.100m².

HTX nông nghiệp trong khuôn viên chợ và thực hiện chức năng quản lý chợ.

* Trung tâm văn hoá thể thao xã:

+ Quy hoạch nhà văn hóa xã trong khuôn viên UBND xã cũ, diện tích 2.500m².

+ Sân vận động trung tâm xã: Quy hoạch mới 01 điểm tại xứ đồng Phi Lao, diện tích 6.000m² và giữ nguyên hiện trạng sân vận động cũ của xã, diện tích 6.500m².

+ Trung tâm văn hóa thể thao và Công viên cây xanh: Quy hoạch mới tại xứ đồng Phi Lao, diện tích 11.500m².

* Đài truyền thanh của xã: Quy hoạch trong khuôn viên của UBND xã.

c. Định hướng phân bố hệ thống dân cư thôn, khu dân cư mới:

- Các điểm dân cư giữ nguyên theo hiện trạng và được cải tạo, chỉnh trang kết hợp những giá trị truyền thống và hiện đại. Đối với dân cư hiện đang sống ven sông Đáy thì được cải tạo, chỉnh trang khi chưa có kế hoạch di dời để bảo vệ hành lang sông Đáy và không được phát triển thêm.

- Định hướng quy hoạch các điểm dân cư mới gọn vùng với các điểm dân cư hiện trạng để thuận tiện cho đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội, kỹ thuật.

- Công trình tín ngưỡng, tôn giáo: Đình, chùa, miếu được bảo tồn, tôn tạo, tu bổ, giữ gìn cảnh quan các công trình.

- Nhà văn hoá thôn và khu thể thao thôn:

+ Nhà văn hóa thôn Đốc Tín sử dụng cùng với nhà văn hóa xã được quy hoạch, sử dụng là khu UBND xã hiện tại.

+ Nhà văn hóa thôn Đốc Hậu diện tích 1000m² và nhà văn hóa thôn Đốc Kính 1000m² giữ nguyên hiện trạng.

- Đất đấu giá: 22.995m².

- + Khu Ba Bụi thôn Đốc Kính 800m².
- + Khu Văn Mai thôn Đốc Kính 3.000m².
- + Xóm 3 thôn Đốc Tín gần trường tiểu học khu B diện tích 2.000m².
- + Xóm 5 thôn Đốc Tín (khu Đất Đổng) 1.295m².
- + Lò Ngói xóm 3 thôn Đốc Tín 1.000m².
- + Ao Mạ Làng 4.000m².
- + Phi Lao 7.500m².
- + Khu ven sông Đào 2.800m².
- + Khu sau trường tiểu học xóm 3 diện tích 600m².

d. Quy hoạch sản xuất:

- Sản xuất nông nghiệp:

+ Quy hoạch khu vực trồng lúa chất lượng cao với tổng diện tích 96,6ha:

Tên xứ đồng	Diện tích QH (ha)
Nghe giữa, Nghe vương, Nghe dài	7,2
Đồng Ngái	6,1
Mả Bệ	7,5
Sườn cầu	1,7
Đồng chuôm	12,2
Làng ngà	11,5
Đồng Sắn	8,6
Thờ Đầu	3,6
Ông Đản	4,6
Gò Rót	3,2
Đồng Nhội	3,2
Cầu Khuynh	5
Đồng Súng 1,2,3	15
Ái vòng , Ái Giữa , Ái trực	7,2
Tổng	96,6

+ Quy hoạch tại vị trí ngoài đê của xóm 3 thôn Đốc Tín diện tích 4,3ha tập trung trồng nhãn.

+ Quy hoạch vị trí chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi tại các xứ đồng Cán Tàn, đồng Quao Sâu, đồng Nghe Dài, đồng Nghe Giữa tổng diện tích 15,54ha.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ: Quy hoạch 01 điểm diện tích 1ha tại Sóng Chằm. Quy hoạch điểm xí nghiệp may 3.200m² tại thôn Đốc Kính.

- Về hệ thống thủy lợi:

+ Cải tạo 3 trạm bơm: Trạm Đồng Dầy, trạm Sông Đào, trạm Sóng Chằm.

+ Xây mới trạm bơm Đồng Nậy tiêu và thoát nước cho 50ha công suất 2000m³/h vị trí đặt tại cuối xóm 8.

+ Kiên cố hóa 12,75 kênh tưới cấp 3.

+ Kiên cố hóa 10,35km kênh tiêu cấp 3.

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật: giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang toàn xã, các thôn và vùng sản xuất.

a. Giao thông:

- Đường TL419 (Thành phố quản lý): Quy hoạch mặt cắt ngang theo chỉ giới đường đỏ là từ 18m. Hành lang an toàn giao thông ngoài khu dân cư là 32m, qua khu dân cư là 24m.

- Đường trục huyện:

+ Đường Ven Đáy đi qua xã Đốc Tín có chiều dài 1,26km. Tổng mặt cắt ngang theo chỉ giới đường đỏ là 9m, mặt đường 5,5m, hè-lề đường mỗi bên 1,75m, kết cấu bê tông xi măng. Hành lang an toàn tính từ chỉ giới đường đỏ ra mỗi bên là 4m.

+ Đường trục huyện từ TL419 đi đến trụ sở UBND xã Đốc Tín chiều dài 1,5km với tổng mặt cắt ngang theo chỉ giới đường đỏ là 12m (trong đó: mặt đường 7m, hè-lề mỗi bên là 2,5m). Hành lang an toàn tính từ chỉ giới đường đỏ ra mỗi bên là 4m.

- Đường trục xã:

+ Đường Ven Sông Đào chiều dài là 1,4km. Quy hoạch mặt 7m, lề mỗi bên là 1,5m. Cứng hoá 100%.

+ Đường trục Vạn Kim-Đốc Tín-Hùng Tiên: Tổng chiều dài qua xã Đốc Tín rộng mặt 5m, lề mỗi bên 0,75m.

- Đường trục thôn: 05 tuyến với tổng chiều dài là 3,8km. Quy hoạch tối thiểu mặt đường 3,5m. Cứng hoá 100%

- Đường thôn xóm: 58 tuyến với tổng chiều dài là 14,5km. Quy hoạch tối thiểu mặt đường 3,5m. Cứng hoá 100%

- Đường trục chính nội đồng: 27 tuyến với tổng chiều dài là 22,2km. Quy hoạch 100% hệ thống đường trục chính nội đồng được cứng hóa với chiều rộng mặt tối thiểu là 3,5m. Cứng hoá 100%

- Bãi xe tĩnh: Quy hoạch mới tại xứ đồng Dỡ, diện tích 1.000m².

b. Cấp nước:

- Nguồn nước lấy từ trạm cấp nước sạch tại xã An Tiến Tại xã sẽ bố trí điểm tăng áp tại khu Cổ Ngựa gần trường tiểu học khu B Đốc Tín với diện tích 3.000m².

c. Cấp điện:

- Xây dựng trạm đặt tại Đồng Sườn Cầu công suất 560kVA.

- Xây dựng trạm biến áp tại đồng Ngãm thôn Đốc Hậu cung cấp cho trang trại chăn nuôi và khu tiểu thủ công nghiệp công suất 320kVA.

- Nâng cấp trạm thôn Đốc Hậu công suất 100kVA lên 320kVA.

- Nâng cấp trạm 180kVA cuối thôn Đốc tín (tại xóm 8) lên 320kVA.

- Khu trung tâm xã được quy hoạch hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng cho các thôn, sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện năng theo tiêu chuẩn quy định.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, đảm bảo an toàn trong sử dụng điện.

d. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Nước thải sinh hoạt và nước mưa thoát theo hệ thống rãnh dọc đường giao thông, xây dựng các đường ống dẫn nước tới các khu xử lý nước thải sau đó sẽ được thải ra sông Đáy.

- Quy hoạch 02 khu xử lý nước thải: Xây dựng 2 điểm khu xử lý nước thải tại xứ đồng Mít và khu vực giáp xứ đồng Cổ Ngựa với diện tích mỗi điểm là 1000m².
- Khuyến khích hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh tự hoại khép kín.
- Bố trí các khu vực thu gom rác thải bằng hệ thống thùng rác công cộng và có xe thu gom rác thải và vận chuyển đến bãi rác theo quy định. Cụ thể như sau:
 - + Giữ nguyên bãi rác hiện trạng tại xứ đồng Bệ Ngọc của xã. Điểm trung chuyển rác được đặt tại xứ đồng Sóng Chằm với diện tích 500m² ven tuyến đường Tỉnh lộ 419.

e. Nghĩa trang:

- Duy trì, cải tạo khu nghĩa trang hiện có và đảm bảo về an toàn vệ sinh, cây xanh và khoảng cách ly.
- Diện tích đảm bảo: Hung táng $\leq 5\text{m}^2/\text{mộ}$, cải táng $\leq 3\text{m}^2/\text{mộ}$
- Ngừng Hung táng tại các Nghĩa trang hung táng gần khu dân cư tại thôn Đốc Hậu ở xứ đồng Ai Dâu và xứ đồng Sóng Chằm, Thôn Đốc Kính tại xứ đồng Văn Mai.
- Quy hoạch mở rộng Nghĩa trang Bệ Ngọc diện tích 20.000m² để hung táng và cải táng của toàn xã. Diện tích đất sau khi mở rộng là 20.900m².

9. Tổng hợp chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã theo đồ án quy hoạch chung.

Bảng chỉ tiêu tổng hợp chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng		
			2011	2015	2020
I	Dân số				
1	Tổng số người	người	3.959	4.095	4.390
2	Tổng số hộ	hộ	1015	1.068	1.212
3	Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0.9	1.4	1.4
4	Tỉ lệ tăng dân số cơ học	%			
II	Các chỉ tiêu sử dụng đất				
	Đất ở	m ² /ng		60	60
III	Hạ tầng xã hội				
1	Giáo dục				
1.1	Trường mầm non	m ² /hs		≥ 12	≥ 12
1.2	Trường tiểu học	m ² /hs		≥ 10	≥ 10
1.3	Trường THCS	m ² /hs		≥ 10	≥ 10
2	Trạm y tế	m ²		≥ 500	≥ 500
3	Sân vận động	m ²		≥ 10.000	≥ 10.000
4	Chợ	m ²		≥ 3.000	≥ 3.000
5	Nhà văn hóa xã	m ²		≥ 3.000	≥ 3.000
IV	Các chỉ tiêu khác				
	Tầng cao trung bình	tầng		3,0	3,0
V	Chỉ tiêu HTKT				
1	Cấp nước sinh hoạt	L/ng.ngđ	-	120	120
2	Cấp điện	Kwh/ng/năm	-	200	200
3	Thoát nước sinh hoạt	L/ng.ngđ	-	100	120
4	Chỉ tiêu chất thải rắn	Kg/ng.ngđ	-	0,5	0,7

10. Danh mục các dự án ưu tiên theo kỳ kế hoạch để đạt tiêu chí Nông thôn mới.

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT PHÂN THEO TỪNG NĂM XÃ
(Theo Biểu 05-Kế hoạch sử dụng đất phân theo từng năm Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011).

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm hiện trạng	Diện tích đến các năm				
				Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		333.66	333.66	333.66	333.66	333.66	333.66
1	Đất nông nghiệp	NNP	215.31	215.31	213.90	209.71	208.50	207.82
1.1	Đất lúa nước	DLN	181.80	181.80	177.51	171.24	170.84	170.60
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN						
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	12.11	12.11	11.75	9.83	4.93	4.49
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0.14	0.14	0.14	0.14	4.44	4.44
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX						
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	21.26	21.26	21.26	21.26	21.05	21.05
1.9	Đất làm muối	LMU						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH			3.24	7.24	7.24	7.24
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	72.93	72.93	74.30	78.00	78.91	79.29
2.1	Đất XD trụ sở CQ, công trình SN	CTS	1.31	1.31	1.31	2.38	2.38	2.38
2.2	Đất quốc phòng	CQP						
2.3	Đất an ninh	CAN						
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	4.68	4.68	5.00	5.00	5.00	5.00
2.6	Đất SX vật liệu XD gốm sứ	SKX						
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.8	Đất di tích danh thắng	DDT						
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	0.20	0.20	0.25	0.25	0.25	0.25
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	2.05	2.05	2.05	2.05	2.05	2.05
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	7.30	7.30	8.30	8.30	8.30	8.30
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC						
2.13	Đất sông, suối	SON	14.08	14.08	14.08	14.08	14.08	14.08

2.14	Đất phát triển hạ tầng	DHT	43.31	43.31	43.31	45.94	46.85	47.23
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	Đất chưa sử dụng	CSD						
4	Đất khu du lịch	DDL						
5	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	45.42	45.42	45.46	45.95	46.25	46.55

Ghi chú: (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Cả thời kỳ	Phân theo các năm				
				Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	7.49		1.41	4.19	1.21	0.68
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	3.96		1.05	2.27	0.40	0.24
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN/PNN						
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK/PNN	3.32		0.36	1.92	0.60	0.44
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN						
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN						
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN						
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN						
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0.21				0.21	
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN						
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp							
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN						
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất lâm nghiệp	LUC/LNP						
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS						

2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RSX/NKR						
2.5	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RPH/NKR						
2.6	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RDD/NKR						

Ghi chú: (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

11. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:

a. Tiến độ thực hiện, công bố quy hoạch:

- Tiến độ thực hiện quy hoạch đến năm 2015 xã Đốc Tín cơ bản đạt 19/19 tiêu chí Nông thôn mới.

- Tiến độ công bố quy hoạch: Chủ tịch UBND xã Đốc Tín chủ trì tổ chức công bố công khai nội dung quy hoạch xây dựng xã Nông thôn mới cho các tổ chức, cá nhân có liên quan và nhân dân biết để thực hiện theo Công văn số 1048/UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện Mỹ Đức về việc hướng dẫn triển khai công tác công bố và quản lý quy hoạch xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội; Chịu trách nhiệm về công tác Quản lý và thực hiện quy hoạch xây dựng xã Nông thôn mới theo thẩm quyền và quy định của pháp luật trong vòng 30 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt.

b. Giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính.
- Tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện quy hoạch xây dựng Nông thôn mới.
- Cụ thể hóa các nội dung quy hoạch và chương trình nghị sự, chương trình làm việc của cấp ủy, chính quyền cơ sở.
- Thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch.
- Tăng cường phối hợp giữa các cấp các ngành thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Phòng Quản lý đô thị huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Đốc Tín đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với Quyết định này, thành phần hồ sơ quy hoạch Nông thôn mới bao gồm: 18 bộ thuyết minh quy hoạch đính kèm bản vẽ khổ A3 và 02 bộ bản vẽ đồ án quy hoạch thể hiện A0 (Theo Công văn số 1048/UBND ngày 18/9/2012 của UBND huyện Mỹ Đức về việc hướng dẫn triển khai công bố và quản lý quy hoạch xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội).

- * Thuyết minh quy hoạch Nông thôn mới (kèm theo bản vẽ A3) gồm các phần:
 - + Mở đầu.

- + Chương I: Phân tích đánh giá hiện trạng tổng hợp.
- + Chương II: Dự báo tiềm năng và động lực phát triển.
- + Chương III: Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới
- + Kết luận và kiến nghị.

* Đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới, bao gồm:

- Bản vẽ Đồ án quy hoạch chung (08 bản vẽ): Bản vẽ hiện trạng tổng hợp, Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, Bản vẽ định hướng phát triển không gian xã, Bản đồ quy hoạch sử dụng đất, Bản vẽ quy hoạch sản xuất, Bản vẽ quy hoạch xây dựng, Bản vẽ quy hoạch giao thông san nền cấp điện, Bản vẽ cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

- Bản vẽ Đồ án quy hoạch chi tiết (02 bản vẽ): Bản vẽ quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc trung tâm xã (Kể cả mẫu nhà ở nông thôn mới), Bản vẽ hệ thống giao thông, san nền, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND & UBND Huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, phòng Quản lý đô thị huyện, phòng Kinh tế huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc Nhà nước huyện Mỹ Đức; Chủ tịch UBND xã Đốc Tín và các cơ quan, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Các Sở: QH-KT; NN&PTNT; TM&MT;
- Ban chỉ đạo Chương trình Thành phố “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống nông dân”;
- TT Huyện Ủy, TT HĐND Huyện;
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện Mỹ Đức;
- Các PCT UBND Huyện;
- Như điều 3;
- Lưu VT.

(để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phúc Hải

